

Số: /HD-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 22 tháng 02 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 4659/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi là Chương trình); Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 13/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025, Sở GD&ĐT Hướng dẫn thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trong các cơ sở giáo dục¹ giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tổ chức triển khai hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 26/KH-UBND).

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Chi tiết tại Kế hoạch số 26/KH-UBND.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Rà soát, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm các điều kiện để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường học

- Bố trí phòng y tế riêng, bổ sung trang thiết bị, dụng cụ, thuốc thiết yếu, vật tư y tế nhằm bảo đảm đủ điều kiện thực hiện hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Nâng cấp sân chơi bãi tập, trang thiết bị, dụng cụ để phục vụ công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao.

- Đầu tư, cải tạo nâng cấp nguồn nước sạch, nhà vệ sinh; bố trí thêm vòi nước, xà phòng rửa tay và các điều kiện khác về vệ sinh trường học đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo quy định.

¹ Bao gồm các trường mầm non/cơ sở mầm non độc lập tư thục, tiểu học, THCS, TH&THCS; các trường trung học phổ thông, phổ thông DTNT, các trung tâm GDNN, GDTX, trung tâm GDTX ngoại ngữ, tin học tỉnh, các trung tâm ngoại ngữ, trung tâm giáo dục kỹ năng sống, giáo dục hòa nhập, các đơn vị tư vấn du học.

- Đối với các cơ sở giáo dục có bán trú, đầu tư nâng cấp các hạng mục ở khu vực bếp ăn để tổ chức bữa ăn học đường chất lượng, an toàn đúng quy định.

2. Tăng cường nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện chương trình sức khỏe học đường

- Chủ động bố trí cán bộ, giáo viên, nhân viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác y tế để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình.

- Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn triển khai các phần mềm về sức khỏe cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, dinh dưỡng cho nhân viên làm việc trong các bếp ăn tập thể; kỹ năng truyền thông cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ làm công tác tuyên truyền viên trong trường học.

3. Tăng cường đổi mới môn học giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng cá thể hóa để nâng cao sức khỏe cho học sinh

- Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá môn học giáo dục thể chất theo hướng cá thể hóa người học.

- Cải tiến nội dung, hình thức tổ chức thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ; khuyến khích phát triển môn bơi, môn bóng, các môn thể thao khác phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Quan tâm đến năng khiếu, sở thích, lứa tuổi học sinh để tổ chức hiệu quả các hoạt động thể thao trường học; tăng cường tổ chức các giải thi đấu thể thao các cấp phù hợp với cấp độ dịch tại địa phương.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về sức khỏe

- Các cơ sở giáo dục, triển khai tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức bữa ăn dinh dưỡng khoa học, hợp lý về sức khỏe học đường trên Website của đơn vị; đồng thời tạo đường Link truy cập vào chuyên mục Bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng của Bộ GD&ĐT (<http://dean41.moet.gov.vn>); chuyên mục về sức khỏe học đường trên Website của Sở Y tế để mỗi gia đình, phụ huynh học sinh chú trọng hơn nữa trong việc nâng cao kiến thức chăm sóc trẻ em, học sinh (Thời gian bắt đầu từ tháng 3 năm 2022). Sử dụng hiệu quả mạng xã hội để tuyên truyền, phổ biến đến phụ huynh/người chăm sóc trẻ những chủ trương, chính sách, hướng dẫn đối với sức khỏe học đường.

- Tổ chức các hoạt động của Chương trình dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng (kết hợp giữa trực tiếp với trực tuyến) đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Biên tập, xây dựng tài liệu truyền thông, đa dạng hóa các phương thức truyền thông về sức khỏe học đường phù hợp với từng cấp học.

- Tổ chức các hoạt động dưới nhiều hình thức phong phú: cuộc thi tìm hiểu về sức khỏe học đường, các diễn đàn, các câu lạc bộ sức khỏe trường học... Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực về các kỹ năng truyền thông, lập kế hoạch cho cán bộ, giáo viên và đội ngũ tuyên truyền viên trong trường học.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá sức khỏe định kỳ của học sinh và kết hợp lồng ghép, truyền thông cho cha mẹ thông qua họp phụ huynh, các phương tiện truyền thông của nhà trường về sức khỏe học đường.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh; số hóa trong quản lý, sử dụng cơ sở vật chất phục vụ công tác sức khỏe học đường.

- Ứng dụng phần mềm cơ sở dữ liệu ngành để theo dõi, quản lý sức khỏe học sinh, tình trạng dinh dưỡng học đường, giáo dục thể chất, thể thao trường học để áp dụng liên thông các cấp.

6. Đẩy mạnh, tăng cường hợp tác, xã hội hóa trong thực hiện Chương trình

- Huy động, tranh thủ sự ủng hộ, tham gia của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện Chương trình.

- Thực hiện lồng ghép phù hợp với các chương trình, đề án liên quan đến bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho học sinh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Công tác kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện

7.1. Kiểm tra, đánh giá

- Các cấp quản lý giáo dục kiểm tra thường xuyên việc thực hiện Chương trình lồng ghép với kiểm tra chuyên môn trong năm học đối với các cơ sở giáo dục.

- Cuối mỗi năm học các cơ sở giáo dục tổ chức tự đánh giá việc thực hiện Chương trình để có giải pháp phấn đấu cho năm sau.

- Phòng GD&ĐT tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý vào tháng 5 hàng năm để có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

- Sở GD&ĐT thẩm định kết quả đánh giá của các Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT.

7.2. Chế độ báo cáo

- Các cơ sở giáo dục báo cáo kết quả tự đánh giá thực hiện Chương trình (theo mẫu Phụ lục 1) về cấp trên quản lý trước ngày 25/5 hàng năm.

- Phòng GD&ĐT tổng hợp kết quả tự đánh giá của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý; báo cáo kết quả (theo mẫu phụ lục 2) về Sở GD&ĐT và UBND huyện, thành phố trước ngày 31/5 hàng năm.

Sở GD&ĐT yêu cầu Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố (Hướng dẫn các cơ sở trực thuộc); các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT thực hiện nghiêm túc; định kỳ hàng năm báo cáo về Sở GD&ĐT (qua Phòng GDMN) theo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Vụ GDTC, Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thành phố (phối hợp);
- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố (T.hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT (T.hiện);
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT, CDN;
- Các phòng thuộc Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, GDMN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thêm

PHỤ LỤC 1
MẪU ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG
(Áp dụng cho các cơ sở giáo dục)

Tên trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG
(Áp dụng cho cơ sở giáo dục)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục đánh giá:; Xã/phường/TT.....
 Huyện/TP:; Tỉnh:
2. Tổng số học sinh : Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên:.....
3. Hình thức đánh giá: Tự đánh giá Đánh giá của cơ quan quản lý
4. Thời gian: Ngày tháng năm 20

II. Kết quả đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đạt
I	HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, BẢO VỆ, QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH	30	
1.1	Có bảo đảm các điều kiện về phòng y tế, thiết bị y tế tối thiểu theo quy định để phục vụ việc chăm sóc sức khỏe cho học sinh.	5	
1.2	Có thực hiện kiểm tra sức khỏe cho học sinh vào mỗi đầu năm học theo quy định (riêng trường MN thực hiện 2 lần/ năm học).	5	
1.3	Có phát hiện sớm về các yếu tố nguy cơ về bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần cho học sinh.	5	
1.4	Có cung cấp đủ nước uống, nước sạch cho sinh hoạt và hoạt động trong trường đảm bảo chất lượng theo quy định.	5	
1.5	(1) Có nhà vệ sinh cho học sinh;	5	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đạt
	(2) Có đủ nhà vệ sinh cho học sinh theo quy định;		
	(3) Nhà vệ sinh của học sinh đảm bảo hợp vệ sinh.		
1.6	(1) Trường học có đạt tiêu chuẩn trường học an toàn;	5	
	(2) Có phòng học đạt yêu cầu về chiếu sáng (độ rọi không dưới 300 Lux).		
II	HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT, THỂ THAO TRONG TRƯỜNG HỌC (tiêu chí này không áp dụng cho các CSGD Mầm non)	30	
2.1	Có bố trí ít nhất 01 phòng (kho) để cất giữ trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong trường học.	5	
2.2	Có tổ chức hoạt động vận động thể lực phù hợp cho học sinh.	5	
2.3	Có tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực cho học sinh theo quy định.	5	
2.4	Có định kỳ tổ chức thi đấu các môn thể thao theo quy định.	5	
2.5	Có đủ giáo viên giáo dục thể chất và được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	5	
2.6	Có giáo viên kiêm nhiệm dạy môn giáo dục thể chất trong các trường mầm non, tiểu học được bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ theo quy định.	5	
III	TỔ CHỨC BỮA ĂN HỌC ĐƯỜNG, BẢO ĐẢM DINH DƯỠNG HỢP LÝ TRONG TRƯỜNG HỌC (CSGD không tổ chức bữa ăn bán trú thì không tính tiêu chí này)	15	
3.1	Có tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn cho học sinh thông qua các hình thức phù hợp.	5	
3.2	(1) Có tổ chức bữa ăn học đường, căng tin trường học bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm;	5	
	(2) Có xây dựng thực đơn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu lứa tuổi học sinh.		
3.3	Có tổ chức bữa ăn học đường sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa trong các bữa ăn học đường đạt chuẩn theo quy định.	5	

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm đạt
IV	HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG HỌC	15	
4.1	100% học sinh được tuyên truyền, giáo dục về sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn; nâng cao kiến thức phòng, chống dịch bệnh (đặc biệt là dịch bệnh Covid-19), tật học đường, sức khỏe tâm thần.	5	
4.2	60% học sinh phổ thông được phổ biến, tư vấn về sức khỏe tâm thần, tâm sinh lý lứa tuổi.	5	
4.3	100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn về chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe học sinh trong trường học.	5	
V	ỨNG DỤNG CNTT TRONG BÁO CÁO, THỐNG KÊ VÀ CHĂM SÓC, BẢO VỆ, QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH	10	
5.1	Trường học có ứng dụng, triển khai hiệu quả phần mềm thống kê, đánh giá sức khỏe học sinh.	4	
5.2	Đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường, có triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cho học sinh.	3	
5.3	100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế được tập huấn, hướng dẫn để sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi, đánh giá về sức khỏe học sinh trong trường học.	3	
	Tổng điểm	100	

Kết quả đánh giá và xếp loại

1. Tổng điểm đạt:điểm

2. Xếp loại: Tốt Khá Trung bình Không đạt

XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM PHỤ LỤC 1

1. Nguyên tắc chấm điểm

- Chỉ chấm điểm với các tiêu chí có thực hiện.
- Các nội dung không quy định bắt buộc thực hiện đối với nhà trường thì trừ điểm chuẩn và tổng điểm.
- Thực hiện đầy đủ tiêu chí được 100% mức điểm chuẩn, thực hiện chưa đầy đủ được 50% mức điểm chuẩn.

2. Đánh giá kết quả:

- Tổng điểm tối đa là 100 điểm

a) Trường đạt loại Tốt:

- Có tổng mức điểm đạt ≥ 90 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thực hiện đủ các tiêu chí.
- Có tổng mức điểm đạt ≥ 60 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục không thực hiện tiêu chí II.
- Có tổng mức điểm đạt từ ≥ 45 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục không thực hiện tiêu chí II, tiêu chí III).

b) Trường đạt loại Khá:

- Có tổng mức điểm đạt ≥ 80 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thực hiện đủ các tiêu chí.
- Có tổng mức điểm đạt ≥ 50 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục không thực hiện tiêu chí II.
- Có tổng mức điểm đạt ≥ 35 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục không thực hiện tiêu chí II, tiêu chí III).

c) Trường đạt loại Trung bình:

- Có tổng mức điểm đạt ≥ 70 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thực hiện đủ các tiêu chí.
- Có tổng mức điểm đạt ≥ 40 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục không thực hiện tiêu chí II.
- Có tổng mức điểm đạt ≥ 35 điểm áp dụng đối với các cơ sở giáo dục không thực hiện tiêu chí II, tiêu chí III).

d) Trường Không đạt: có dưới 50% tổng mức điểm chuẩn.

PHỤ LỤC 2
MẪU ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG
(Áp dụng cho Phòng GD&ĐT)

Tên Phòng GD&ĐT..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG
(Áp dụng cho Phòng GD&ĐT)

I. Thông tin chung

1. Tên PGD đánh giá:
2. Tổng số cơ sở giáo dục do PGD quản lý:
3. Tổng số học sinh Mầm non: Tổng số giáo viên Mầm non:.....
4. Tổng số học sinh Tiểu học: Tổng số giáo viên Tiểu học:.....
5. Tổng số học sinh THCS: Tổng số giáo viên THCS:.....
6. Hình thức đánh giá: Tự đánh giá Đánh giá của cơ quan quản lý
7. Thời gian: Ngày tháng năm 20

II. Kết quả đánh giá

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Kết quả (TS thực hiện/TS)	Tỷ lệ %	Điểm đạt
I	HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, BẢO VỆ, QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH	30			
1.1	90% trường học bảo đảm các điều kiện về phòng y tế, thiết bị y tế tối thiểu theo quy định để phục vụ việc chăm sóc sức khỏe cho học sinh.	5			
1.2	95% trường học thực hiện kiểm tra sức khỏe cho học sinh vào mỗi đầu năm học theo quy định.	5			
1.3	60% trường học có phát hiện sớm về các yếu tố nguy cơ về bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần cho học sinh.	5			
1.4	85% trường học cung cấp đủ nước uống, nước sạch cho sinh hoạt và hoạt động trong trường đảm bảo chất lượng theo quy định.	5			
1.5	100% trường học có nhà vệ sinh cho học sinh, trong đó có 60% trường học có đủ nhà vệ sinh cho học sinh theo quy định và	5			

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Kết quả (TS thực hiện/TS)	Tỷ lệ %	Điểm đạt
	90% nhà vệ sinh của học sinh đảm bảo hợp vệ sinh.				
1.6	90% trường học đạt tiêu chuẩn trường học an toàn; 85% phòng học đạt yêu cầu về chiếu sáng (độ rọi không dưới 300 Lux).	5			
II	HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT, THỂ THAO TRONG TRƯỜNG HỌC	30			
2.1	90% trường học bố trí ít nhất 01 phòng (kho) để cất giữ trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong trường học.	5			
2.2	95% trường học tổ chức hoạt động vận động thể lực phù hợp cho học sinh.	5			
2.3	100% trường học phổ thông tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực cho học sinh theo quy định.	5			
2.4	100% trường học định kỳ tổ chức thi đấu các môn thể thao theo quy định.	5			
2.5	100% trường học phổ thông có đủ giáo viên giáo dục thể chất và được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	5			
2.6	90% giáo viên kiêm nhiệm dạy môn giáo dục thể chất trong các trường mầm non, tiểu học được bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ theo quy định.	5			
III	TỔ CHỨC BỮA ĂN HỌC ĐƯỜNG, BẢO ĐẢM DINH DƯỠNG HỢP LÝ TRONG TRƯỜNG HỌC	15			
3.1	100% trường học tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn cho học sinh thông qua các hình thức phù hợp.	5			
3.2	100% trường học có tổ chức bữa ăn học đường, căng tin trường học bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm. Trong đó, 60% trường học ở thành thị, 40% trường học ở nông thôn xây dựng thực đơn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu lứa tuổi học sinh.	5			
3.3	70% trường học có tổ chức bữa ăn học đường sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa trong các bữa ăn học đường đạt chuẩn theo quy định.	5			

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn	Kết quả (TS thực hiện/TS)	Tỷ lệ %	Điểm đạt
IV	HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG HỌC	15			
4.1	100% học sinh được tuyên truyền, giáo dục về sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn; nâng cao kiến thức phòng, chống dịch bệnh (đặc biệt là dịch bệnh Covid-19), tật học đường, sức khỏe tâm thần.	5			
4.2	60% học sinh phổ thông được phổ biến, tư vấn về sức khỏe tâm thần, tâm sinh lý lứa tuổi.	5			
4.3	100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn về chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe học sinh trong trường học.	5			
V	ỨNG DỤNG CNTT TRONG BÁO CÁO, THỐNG KÊ VÀ CHĂM SÓC, BẢO VỆ, QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH	10			
5.1	90% trường học ứng dụng, triển khai hiệu quả phần mềm thống kê, đánh giá sức khỏe học sinh.	4			
5.2	Đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường, 90% trường học triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cho học sinh.	3			
5.3	100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế được tập huấn, hướng dẫn để sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi, đánh giá về sức khỏe học sinh trong trường học.	3			
	Tổng điểm	100			

Kết quả đánh giá và xếp loại

1. Tổng điểm đạt:điểm

2. Xếp loại: Tốt Khá Trung bình Không đạt

PHÒNG GD&ĐT XÁC NHẬN

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM PHỤ LỤC 2

1. Nguyên tắc chấm điểm

- Chỉ chấm điểm với các tiêu chí có thực hiện
- Thực hiện đầy đủ tiêu chí được 100% mức điểm chuẩn, thực hiện chưa đầy đủ được 50% mức điểm chuẩn

2. Đánh giá kết quả:

- Tổng điểm tối đa là 100 điểm.

a) Đạt loại Tốt: có tổng mức điểm đạt ≥ 90 điểm chuẩn.

b) Đạt loại Khá: có tổng mức điểm đạt từ 70 - <90 tổng mức điểm chuẩn.

c) Đạt loại Trung bình: có tổng mức điểm đạt từ 50 - <70 tổng mức điểm chuẩn.

d) Không đạt: có tổng mức điểm đạt dưới 50 tổng mức điểm chuẩn.